

Bản án số: 38/2019/HN-ST
Ngày: 16-4-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly.
2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-HN ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HN ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phùng Thanh S (M)** - Sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mai H** – Sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn ông Phùng Thanh S trình bày, bà và bà H chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau và không còn sống chung từ giữa năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn bà H.

Về con chung: Ông S xác định vợ chồng có 02 con chung tên **Phùng Thị Cẩm Tú** – Sinh ngày 11/7/2004, hiện đang sống với ông, **Phùng Quốc Trọng** – Sinh ngày 07/01/2014, hiện đang sống với bà H. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi cháu Tú, đồng ý để bà H tiếp tục nuôi cháu Trọng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ông S xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H thừa nhận lời trình bày của ông S về thời gian sống chung, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng không còn sống chung là đúng. Nay ông S xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông S về con chung. Bà yêu cầu nuôi con chung tên Phùng Quốc Trọng, đồng ý để ông S nuôi cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung và tài sản, các đương sự đã thống nhất về con chung, về tài sản chung.

Tại phiên tòa hôm nay ông S, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Ông Phùng Thanh S khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Mai H có nơi cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]- Về nội dung: Ông Phùng Thanh S và bà Nguyễn Thị Mai H sống chung với nhau vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, vợ chồng không còn sống chung từ giữa năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông S xin ly hôn bà H. Hội đồng xét xử xét thấy, ông S và bà H sống chung với nhau vào năm 2003, không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông S với bà H không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ cơ sở trên, nghĩ nên không công nhận ông S với bà H là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Ông S xác định có 02 con chung tên **Phùng Thị Cẩm Tú** – Sinh ngày 11/7/2004, hiện đang sống với ông, **Phùng Quốc Trọng** – Sinh ngày 07/01/2014, hiện đang sống với bà H. Vợ chồng thống nhất bà H tiếp tục nuôi cháu Trọng, ông S nuôi cháu Tú, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận về con chung của ông S, bà H không

trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của cháu Tú. Nên công nhận sự thỏa thuận này.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Ghi nhận ông S, bà H xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 144, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông **Phùng Thanh S (M)** và bà **Nguyễn Thị Mai H** là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà H, ông S về con chung như sau, ông S được tiếp tục nuôi cháu **Phùng Thị Cẩm Tú** – Sinh ngày 11/7/2004, bà H được tiếp tục nuôi cháu **Phùng Quốc Trọng** – Sinh ngày 07/01/2014. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Mai H, ông Phùng Thanh S (M) cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở **ông Phùng Thanh S (M), bà Nguyễn Thị Mai H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Ông S, bà H xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận ông S, bà H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông S, bà H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm ông S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012832 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ly

Trương Phước Công

Nguyễn Công Đức

